

Phụ lục 03: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 10 NĂM 2025

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
	TỔNG SỐ	-	3,399	2,000	58,011	1.134,11	226,82
1	Đặng Lâu	-	-	-	0,05	0,75	0,15
1	Lê Thị Thê				0,050	0,75	0,15
2	Cửa Trát	-	-	-	0,05	0,75	0,15
1	Bùi Thị Nam				0,050	0,75	0,15
3	Thôn 7	-	-	-	0,25	3,75	0,75
1	Lê Đình Bầy				0,100	1,50	0,30
2	Trịnh Bá Loan				0,150	2,25	0,45
4	Bột Thượng	-	-	-	0,36	5,33	1,07
1	Lê Hồng Thắng				0,250	3,75	0,75
2	Đặng Đình Dân				0,020	0,30	0,06
3	Đỗ Thị Diễm				0,050	0,75	0,15
4	Lê Văn Bàn				0,015	0,23	0,05
5	Lê Duy Tính				0,020	0,30	0,06
5	Thôn 9	-	-	-	3,70	55,50	11,10
1	Lê Văn Huỳnh				0,500	7,50	1,50
2	Phạm Văn Lượng				0,100	1,50	0,30

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
3	Lê Văn Đạt				0,150	2,25	0,45
4	Phạm Văn Vân				0,100	1,50	0,30
5	Ngô Đình Sơn				0,200	3,00	0,60
6	Bùi Thị Tiếp				0,300	4,50	0,90
7	Hà Văn Bán				0,200	3,00	0,60
8	Lê Minh Quân				0,700	10,50	2,10
9	Lê thế Định				0,150	2,25	0,45
10	Hà Văn Do				0,100	1,50	0,30
11	Quách Như Hoàn				0,200	3,00	0,60
12	Hà Văn Chát				0,200	3,00	0,60
13	Hà Văn Chuyển				0,300	4,50	0,90
14	Quách Như Chúc				0,200	3,00	0,60
15	Lê Văn Đình				0,300	4,50	0,90
6	Hợp Thành	-	-	-	-	-	-
1	Lưu Đình Kiên				0,075	1,13	0,23
7	Hồng Sơn	-	-	-	0,05	0,75	0,15
1	Lê Xuân Hiệp				0,050	0,75	0,15
8	Bàn Lai	-	-	-	0,30	4,50	0,90
1	Phạm Văn Cấp				0,100	1,50	0,30

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
2	Nguyễn Lương Đức				0,050	0,75	0,15
3	Lê Văn Chính				0,100	1,50	0,30
4	Nguyễn Thị Lợi				0,050	0,75	0,15
9	Bàn Thạch 3	-	-	-	2,22	33,23	6,65
1	Mai Xuân Đậu				0,050	0,75	0,15
2	Lê Thiêm Hiếu				0,030	0,45	0,09
3	Đỗ Thế Hải				0,200	3,00	0,60
4	Nguyễn Văn Tâm				0,250	3,75	0,75
5	Nguyễn Hữu Thục				0,150	2,25	0,45
6	Lê Công Nghị				0,150	2,25	0,45
7	Lê Văn Nghĩa				0,150	2,25	0,45
8	Nguyễn Văn Nguyên				0,200	3,00	0,60
9	Lê Thiêm Châm				0,300	4,50	0,90
10	Lê Thiêm Thoa				0,200	3,00	0,60
11	Hà Văn Phấn				0,150	2,25	0,45
12	Lê Duy Thiện				0,185	2,78	0,56
13	Lê Văn Long				0,100	1,50	0,30
14	Lê Xuân Hùng				0,050	0,75	0,15
15	Hà Văn Thục				0,050	0,75	0,15

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
10	Thôn 12	-	-	-	0,05	0,75	0,15
1	Huỳnh Thị Loan				0,050	0,75	0,15
11	Hoàng Kim	-	0,20	-	37,01	567,09	113,42
1	Lê bá Tâm				0,030	0,45	0,09
2	Mai Thị Lan				0,040	0,60	0,12
3	Trần Ngọc Phác				0,050	0,75	0,15
4	Lê Thị Nhân				0,200	3,00	0,60
5	Lê văn Thoả				0,075	1,13	0,23
6	Phạm Ngọc năng				0,080	1,20	0,24
7	Lê Văn Mậu				0,500	7,50	1,50
8	Nguyễn Thị Chiến (Chính)				0,600	9,00	1,80
9	Lê Viết Khương				0,050	0,75	0,15
10	Lê Quang Hào				0,100	1,50	0,30
11	Lê Văn Cảnh				0,050	0,75	0,15
12	Lê văn Kỳ				0,250	3,75	0,75
13	PhạmThị Thu				0,100	1,50	0,30
14	Lê Viết Phương				2,550	38,25	7,65
15	Phong Thị Mai				0,100	1,50	0,30
16	Nguyễn văn Tuấn				0,050	0,75	0,15

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
17	Hà Thị Lâm				0,060	0,90	0,18
18	Lê Bá Sơn				0,100	1,50	0,30
19	Lê Thị Dậu				0,050	0,75	0,15
20	Lê Văn Trường				0,080	1,20	0,24
21	Lê Huy Kiểm				0,035	0,53	0,11
22	Đào Văn Thanh				0,100	1,50	0,30
23	Lê Bá Bạo				0,050	0,75	0,15
24	Lê Bá Thắng				0,050	0,75	0,15
25	Lê Bá Bảy				0,050	0,75	0,15
26	Phạm Văn Giao				0,685	10,28	2,06
27	Lê Đình Hương				0,950	14,25	2,85
28	Lê Thị Thu (Luân)				0,050	0,75	0,15
29	Phạm Ngọc Thiện				0,450	6,75	1,35
30	Lê Bá Túy				0,200	3,00	0,60
31	Lê Đức Lý				2,000	30,00	6,00
32	Lê Văn nam (Thơ)				0,050	0,75	0,15
33	Đặng Thị Dúng				0,025	0,38	0,08
34	Lê Bá Mừng				0,100	1,50	0,30
35	Lê Thị Len				0,150	2,25	0,45

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
36	Đỗ Ngọc Chung (Thê)				0,050	0,75	0,15
37	Lê Đức Ngọc				0,050	0,75	0,15
38	Lê Tứ Hải				0,050	0,75	0,15
39	Lê Văn Ngự				0,100	1,50	0,30
40	Lê Đức Tường				1,000	15,00	3,00
41	Lê Thị Cảnh				0,100	1,50	0,30
42	Lê Bá Vinh				0,025	0,38	0,08
43	Đào Văn Ngà				0,400	6,00	1,20
44	Lê Bá Mười				0,750	11,25	2,25
45	Lê Văn Bàn				0,100	1,50	0,30
46	Lê Văn Cư				0,060	0,90	0,18
47	Lê Thị Lượng				0,025	0,38	0,08
48	Lê Bá Quyết				0,080	1,20	0,24
49	Nguyễn Thị Minh (Gia)				0,045	0,68	0,14
50	Lê Ngọc Cừ				0,500	7,50	1,50
51	Lê Bá Ái				0,500	7,50	1,50
52	Lê Huy Hội				0,050	0,75	0,15
53	Đào Văn Tuấn				0,060	0,90	0,18
54	Lê Bá Ý				0,050	0,75	0,15

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
55	Vi Văn Đệ				0,050	0,75	0,15
56	Bùi Ngọc Chí				0,100	1,50	0,30
57	Trần Đức Giáp				0,040	0,60	0,12
58	Lê Văn Phương				0,015	0,23	0,05
59	Lê Văn Hoàn (Cư)				0,030	0,45	0,09
60	Lê Đức tám				3,040	45,60	9,12
0,5	Đặng Ngọc Viện				0,050	0,75	0,15
62	Lê Huy Hôn				0,100	1,50	0,30
63	Lê Thị Chiến (Thuận)				0,050	0,75	0,15
0,6	Nguyễn Văn Kiệt				0,600	9,00	1,80
65	Lê Văn Thắng				0,300	4,50	0,90
66	Lê Bá Quỳnh				0,100	1,50	0,30
67	Trần Đức Quý				0,030	0,45	0,09
68	Nguyễn Văn Nguyên				0,050	0,75	0,15
69	Ninh Thị Sáu				0,050	0,75	0,15
70	Lê Văn Chính				0,250	3,75	0,75
71	Lê Đình Bình				0,550	8,25	1,65
72	Lê Khắc Minh				0,500	7,50	1,50
73	Phạm Đình Thanh				0,400	6,00	1,20

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
74	Lê Văn Xuân				0,500	7,50	1,50
75	Phong Thị Bắc				1,250	18,75	3,75
77	Lê Khắc Thân				0,050	0,75	0,15
78	Lê Bá Ngựa				0,700	10,50	2,10
79	Lê Bá Đạo				0,100	1,50	0,30
80	Lê Văn Bộ				0,050	0,75	0,15
81	Trịnh Thị Nam				0,600	9,00	1,80
82	Lê văn Bảy (Xuân)				1,000	15,00	3,00
83	Lê Thị Thu				0,200	3,00	0,60
84	Nguyễn văn Niên				0,050	0,75	0,15
85	Lê Văn Tạo				0,050	0,75	0,15
86	Hoàng Văn Việt				0,880	13,20	2,64
87	Trần Đức Quế				0,050	0,75	0,15
88	Lê Văn Bình (Định)				0,035	0,53	0,11
89	Lê Văn Tuấn (Thỏa)				1,250	18,75	3,75
90	Nguyễn Như Cừ				0,350	5,25	1,05
91	Nguyễn Như Lợi				0,050	0,75	0,15
92	Nguyễn Thị Mai Viên				0,950	14,25	2,85
93	Nguyễn Bá Bảo				0,050	0,75	0,15

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
94	Nguyễn bá Bình				0,125	1,88	0,38
95	Lương Đình Hùng				0,100	1,50	0,30
96	Lê Bá Huân				0,300	4,50	0,90
97	Lê Thị Khích				0,150	2,25	0,45
98	Lê Đức Thành				2,000	30,00	6,00
99	Nguyễn Như Quyền				1,000	15,00	3,00
100	Trần Đức Chiến				0,100	1,50	0,30
101	Lê Đức Soạn				2,000	30,00	6,00
102	Lê Đình Chuông				0,050	0,75	0,15
103	Đào Văn Hùng				0,200	3,00	0,60
104	Dđfao Văn Thanh				0,150	2,25	0,45
105	Nguyễn Thị Doãn				0,100	1,50	0,30
106	Nguyễn Như Hùng				1,000	15,00	3,00
107	Lê Thị Nụ				0,030	0,45	0,09
108	Lê Thị Tính				0,050	0,75	0,15
109	Lê Hữu An				0,050	0,75	0,15
110	Lê Bá Ngọc				0,050	0,75	0,15
111	Nguyễn Như Tuất				0,025	0,38	0,08
112	Nguyễn Văn Đại				0,050	0,75	0,15

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
113	Nguyễn Văn Lộc				0,025	0,38	0,08
114	Lê Thị Tâm				0,025	0,38	0,08
115	Lê Bá Trọng				0,100	1,50	0,30
116	Phạm Đình Tinh				0,125	1,88	0,38
117	Lê Huy Hải				0,250	3,75	0,75
118	Phạm Đình Ngân				0,080	1,20	0,24
119	Bùi Ngọc Chí				0,060	0,90	0,18
120	Lê Tuấn Quế				0,040	0,60	0,12
121	Lê Văn Cương				0,050	0,75	0,15
122	Đào Văn Hạnh				0,150	2,25	0,45
123	Trần Đức Trình				0,050	0,75	0,15
124	Đào Văn Hùng		0,01			0,54	0,11
125	Nguyễn Như Cứ		0,01			0,60	0,12
126	Nguyễn Văn Lý		0,15			9,00	1,80
127	Nguyễn Văn Kiên		0,01			0,60	0,12
128	Nguyễn Thị Đoàn		0,01			0,60	0,12
129	Đào Văn Hạnh		0,01			0,60	0,12
12	Bàn Thạch 1	-	2,50	-	11,36	320,33	64,07
1	Nguyễn Xuân Hoa				0,030	0,45	0,09

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
2	Nguyễn Văn Quang				0,150	2,25	0,45
3	Lê Công Sinh				0,075	1,13	0,23
4	Lê Công Phương				0,050	0,75	0,15
5	Lê Văn Nam				0,080	1,20	0,24
6	Đỗ Xuân Huy				0,100	1,50	0,30
7	Đỗ Huy Ty				1,000	15,00	3,00
8	Lê Doãn Tuấn				0,600	9,00	1,80
9	Hoàng Văn Lâm				0,250	3,75	0,75
10	Lê Công Ngọ				0,030	0,45	0,09
11	Lê Văn Thành				0,150	2,25	0,45
12	Đỗ Xuân Khôi				0,250	3,75	0,75
13	Đỗ Xuân Sơn				0,075	1,13	0,23
14	Mai Quang Trí				0,150	2,25	0,45
15	Lê Công Minh				0,100	1,50	0,30
16	Lê Công Nam				0,050	0,75	0,15
17	Lê Công Thảo				0,075	1,13	0,23
18	Đỗ Xuân Thuật				0,100	1,50	0,30
19	Lê Doãn Hùng				0,100	1,50	0,30
20	Lê Ngọc Hoà				0,050	0,75	0,15

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
21	Lê Văn Minh				0,050	0,75	0,15
22	Nguyễn Xuân Phương				0,050	0,75	0,15
23	Lê Văn Thà				0,200	3,00	0,60
24	Lê Công Xuân				0,250	3,75	0,75
25	Đỗ Xuân Năng				0,050	0,75	0,15
26	Lê Thị Việt				0,040	0,60	0,12
27	Lê Thị Dung				0,030	0,45	0,09
28	Đỗ Việt Thọ				0,075	1,13	0,23
29	Lê Thị Tâm				1,200	18,00	3,60
30	Lê Văn Hải		2,50			150,00	30,00
31	Đỗ Huy Ba				0,500	7,50	1,50
32	Đỗ Huy Liệu				0,500	7,50	1,50
33	Lê Văn Hợi				0,100	1,50	0,30
34	Lê Văn Hường				0,050	0,75	0,15
35	Mai Xuân Lưu				0,070	1,05	0,21
36	Lê Đình Thắng (nụ)				0,170	2,55	0,51
37	Lê Hữu Lịch				0,400	6,00	1,20
38	Nguyễn Văn Hợi				0,100	1,50	0,30
39	Lê Đình Phương				0,650	9,75	1,95

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
40	Lê Đình Tuấn				0,120	1,80	0,36
41	Lê Văn Khắc				0,200	3,00	0,60
42	lê Văn Tú				0,300	4,50	0,90
43	Đỗ Xuân Hiếu				0,200	3,00	0,60
44	Đỗ Xuân Quang				0,250	3,75	0,75
45	Nguyễn Văn Kết				0,250	3,75	0,75
46	Lê Văn Bé				0,150	2,25	0,45
47	Lê Văn Thục				0,250	3,75	0,75
48	Lê Trọng Phương				0,500	7,50	1,50
49	Lê Hữu Xuân				0,250	3,75	0,75
50	Lê Bá Quyền				0,070	1,05	0,21
51	Lê Hồng Minh				0,200	3,00	0,60
52	Lê Thị Trang				0,100	1,50	0,30
53	Nguyễn Thị Duyên				0,400	6,00	1,20
54	Đỗ Việt Thành				0,075	1,13	0,23
55	Hà Văn Chiến				0,040	0,60	0,12
56	Đỗ Việt Hùng Bầy				0,050	0,75	0,15
13	Làng Pheo	-	-	-	0,50	7,50	1,50
1	Hà Văn Hoà				0,400	6,00	1,20

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
2	Hà Văn Mạnh				0,100	1,50	0,30
14	Thôn Thành Đồng	-	-	2,00	-	60,00	12,00
2	Lê Việt Quỳnh			2,00		60,00	12,00
15	QUYẾT TÂM	-	-	-	2,05	30,75	6,15
1	CAO VĂN TƯƠI				0,100	1,50	0,30
2	HÀ VĂN THÀNH				0,050	0,75	0,15
3	CAO VĂN VIÊN				0,060	0,90	0,18
4	CAO VĂN NINH				0,025	0,38	0,08
5	LÊ VĂN BA				0,100	1,50	0,30
6	BÙI THỊ HAI				0,050	0,75	0,15
7	CAO VĂN THỂ				0,050	0,75	0,15
8	CAO XUÂN THƯƠNG				0,100	1,50	0,30
9	GIÁP VĂN HIỆP				0,150	2,25	0,45
10	Lê Văn Bình				0,050	0,75	0,15
11	CAO VĂN TUẤN				0,050	0,75	0,15
12	CAO VĂN BẮC				0,050	0,75	0,15
13	PHẠM THỊ HƯƠNG				0,050	0,75	0,15
14	LÊ VĂN HIẾU				0,150	2,25	0,45
15	LÊ ĐĂNG TRUNG				0,100	1,50	0,30

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trồng bể, lồng, bè	Ước diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
						Tổng NSNN hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ đợt 1 (20%)
		Tr đồng	(ha)	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại	(ha)	Tr đồng	Tr đồng
16	CAO THỊ LANH				0,050	0,75	0,15
17	PHẠM VĂN HÙNG				0,150	2,25	0,45
18	LÊ VĂN QUANG				0,030	0,45	0,09
19	LÊ THỊ THẮNG				0,075	1,13	0,23
20	HÀ VĂN THÁI				0,050	0,75	0,15
21	CAO VĂN TRÌNH				0,030	0,45	0,09
22	CAO VĂN NGỌC				0,075	1,13	0,23
23	LÊ THỊ PHƯƠNG				0,030	0,45	0,09
24	CAO VĂN THỦY				0,075	1,13	0,23
25	QUANG NHƯ HÙNG				0,350	5,25	1,05
16	Thôn 4	-	0,70	-	0,08	43,14	8,63
1	Phùng Văn Tuyên				0,020	0,30	0,06
2	Vũ Thị Cúc				0,020	0,30	0,06
3	Hà Xuân Mạnh				0,018	0,27	0,05
4	Lê Văn Sơn		0,70		0,018	42,27	8,45

Sao Vàng, ngày tháng năm 2025

a





a











